

Số: 320/KH-UBND

Mường Khương, ngày 28 tháng 12 năm 2021

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số và triển khai thực hiện Nghị Quyết số 11-NQ/HU ngày 15/01/2021 của Huyện ủy Mường Khương năm 2022

Căn cứ Đề án số 08-ĐA/TU ngày 11/12/2020 về phát triển Công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2020 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 257/KH-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh về chuyển đổi số và triển khai thực hiện Đề án số 08-ĐA/TU, ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai năm 2021.

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 15/01/2021 của Huyện ủy Mường Khương về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng chính quyền điện tử huyện Mường Khương, giai đoạn 2020 - 2025.

UBND huyện ban hành kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số và triển khai thực hiện Nghị Quyết số 11-NQ/HU ngày 15/01/2021 của Huyện ủy Mường Khương năm 2022 với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa việc triển khai thực hiện mục tiêu Đề án số 08-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025 và Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, từ đó giúp cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên nắm rõ mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án “Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2020 - 2025” và “Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên cơ sở đó tuyên truyền sâu rộng trong toàn bộ Đảng bộ, cán bộ đảng viên và Nhân dân trên địa bàn huyện, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao và quyết tâm trong hệ thống chính trị.

2. Yêu cầu

- Xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số. Gắn nhiệm vụ triển khai Chương trình Chuyển đổi số với quá trình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành, lĩnh vực. Việc triển khai thực hiện

các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, hiệu quả; thực hiện nghiêm túc việc báo cáo, kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, chất lượng đối với việc thực hiện các nhiệm vụ của đề án, phân công rõ trách nhiệm cho cơ quan chủ trì và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan.

- Các cơ quan, ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; tập trung thực hiện các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Về phát triển chính quyền số

- 87% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật); tối thiểu 87% hồ sơ công việc cấp huyện, 70% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Trên 20% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với hệ thống báo cáo quốc gia.

- Đầu tư phát triển nâng cấp hạ tầng CNTT, hệ thống mạng nội bộ (LAN) tại các đơn vị chưa đảm bảo điều kiện, chuẩn kỹ thuật; nâng cấp, mở rộng mạng diện rộng (WAN), mạng truyền số liệu chuyên dùng các cơ quan Đảng,

- Kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống thông tin dùng chung của huyện chuyển đổi sang địa chỉ IPv6.

- Đảm bảo 100% cơ quan trong đơn vị các xã thị trấn được đầu tư trang bị, nâng cấp máy tính, các thiết bị đầu cuối phục vụ kịp thời các hoạt động ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan, đơn vị, địa phương.

- 100% thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 4.

- Tối thiểu 90% tổ chức, cá nhân hài lòng về việc giải quyết TTHC; trên 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; tỷ lệ hồ sơ giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt 50% trở lên.

- Trên 90% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan đơn vị trực thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn được đào tạo, tập huấn kỹ năng về ứng dụng CNTT, kỹ năng số;

- 20% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Tập trung mục tiêu chuyển đổi số cho các lĩnh vực trọng điểm (Văn hóa và Du lịch; Nông nghiệp; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Môi trường, an ninh trật tự; chuyển đổi số cơ quan khối đảng).

2 Về phát triển kinh tế số

- 45% doanh nghiệp (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) ứng dụng CNTT trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 40% doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tiếp cận và tham gia vào các hoạt động giao dịch điện tử trên môi trường mạng.
- 20% các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử được đưa lên các sàn giao dịch thương mại điện tử.
- 100% các dịch vụ thiết yếu do doanh nghiệp cung cấp (điện, nước, vệ sinh môi trường,...) được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh.

3. Về phát triển xã hội số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 60% hộ gia đình, 100% xã.
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.
- 100% hạ tầng viễn thông đầu tư mới tại các khu vực đô thị được chia sẻ dùng chung cho các doanh nghiệp viễn thông.
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 20%.
- 100% xã, thị trấn có đài truyền thanh và các thôn, tổ dân phố có cụm loa truyền thanh hoạt động đáp ứng tiêu chuẩn (trong đó triển khai ứng dụng CNTT - viễn thông đối với 20% các đài, cụm đầu tư mới); 100% cán bộ vận hành đài truyền thanh cấp xã và cụm loa truyền thanh thôn, tổ dân phố được tập huấn, nâng cao trình độ nghiệp vụ.
- 95% thôn, tổ dân phố đọc được báo, xem được truyền hình và nghe được đài truyền thanh của tỉnh trên thiết bị thông minh.
- 100% người dân được sống trong môi trường bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội và có quyền riêng tư cá nhân trong môi trường số được bảo vệ theo quy định của pháp luật.

4. Về an toàn thông tin

90% hệ thống thông tin trong các cơ quan nhà nước được phê duyệt và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ an toàn thông tin; máy tính của các đơn vị trong hệ thống chính trị được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc có bản quyền.

5. Về triển khai Đô thị thông minh

- Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh cấp huyện, kết nối các CSDL chỉ đạo điều hành của tỉnh phục vụ quản lý, điều hành, đồng bộ hệ thống thông tin của huyện định hướng triển khai 06 lĩnh vực ưu tiên, gồm: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Văn hóa và Du lịch; Nông nghiệp và phòng chống thiên tai; Tài nguyên môi trường; Kinh tế - Hạ tầng; An ninh trật tự.

- Từng bước xây dựng phát triển Đô thị thông minh gắn với chuyển đổi số toàn diện Thị trấn Mường Khương, đánh giá nhân rộng đến các địa phương khác đủ điều kiện như Bản Lầu, Lũng Vai.

6. Về nhân lực phục vụ Chuyển đổi số, ATTT

- 100% các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị bố trí cán bộ chuyên trách, phụ trách CNTT, có thành lập tổ CNTT và truyền thông của đơn vị.
- 100% lãnh đạo quản lý được tập huấn, đào tạo về kỹ năng số, kỹ năng sử dụng khai thác các hệ thống thông tin (HTTT) của tỉnh, huyện.
- 100% các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị bố trí cán bộ chuyên trách, phụ trách CNTT, ATTT, hàng năm được đào tạo, tập huấn chuyên sâu.

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)

III. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

1.1 Chuyển đổi nhận thức

- Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số. Tổ chức các khoá học, trao đổi với doanh nghiệp về xu thế và tính tất yếu của chuyển đổi số hiện nay trong doanh nghiệp. Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng nguồn dữ liệu mở để khai thác các giá trị nhằm phát triển doanh nghiệp trong thời đại số.

1.2. Phát triển CNTT, hạ tầng số

- Đẩy mạnh dùng chung hạ tầng Trung tâm dữ liệu của tỉnh, triển khai đồng bộ việc kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng trong hệ thống chính trị của huyện với tỉnh để thống nhất hạ tầng theo mô hình Kiến trúc Chính quyền điện tử, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- Đầu tư hạ tầng CNTT đảm bảo an toàn thông tin và duy trì việc bảo trì, bảo dưỡng nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Trang bị, nâng cấp máy tính, các thiết bị đầu cuối phục vụ kịp thời các hoạt động ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn hệ thống chính trị của huyện.

1.3. Phát triển nền tảng số

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai hệ thống thanh toán điện tử cho phép doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử thông qua tài khoản ngân hàng đối với người dân để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

1.4. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong mọi thành phần của chuyển đổi số. Phối hợp Trung tâm xử lý, giám sát an toàn thông tin (SOC) của tỉnh và thực hiện các giải pháp nâng cao an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ, bảo vệ dữ liệu của các cơ quan trong hệ thống chính trị, dữ liệu cá nhân theo quy định, kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia; đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp.

- Xây dựng mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin mạng trên cơ sở nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chuyên trách an toàn thông tin kết hợp với nhân sự phụ trách CNTT của các doanh nghiệp, tổ chức.

1.5. Phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo, đào tạo lại, chuẩn hóa kỹ năng CNTT, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Phát triển, đào tạo đội ngũ nhân lực CNTT quản lý vận hành các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Thực hiện theo lộ trình phổ cập kỹ năng số, kỹ năng về an toàn, an ninh mạng cho người dân: bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

2. Xây dựng chính quyền số

- Rà soát các ứng dụng, phần mềm, CSDL đã được đầu tư, triển khai để đồng bộ, thống nhất tuân thủ theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lào Cai.

- Xây dựng danh mục CSDL, từng bước hình thành CSDL riêng của huyện, chủ động, kết nối các CSDL Quốc gia, CSDL của tỉnh hình thành kho dữ liệu của địa phương cung cấp cho người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục phát triển Cổng thông tin điện tử của huyện, nhân rộng Cổng thông tin điện tử đến các xã, thị trấn theo định hướng cung cấp dữ liệu mở phục vụ xã hội, hệ thống giao tiếp, tương tác giữa chính quyền với người dân.

- Rà soát, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ để ứng dụng CNTT toàn diện trong thực hiện TTHC, đẩy mạnh việc đưa các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, mức độ 4. Đánh giá thực tiễn để nhân rộng mô hình chuyên bộ phận một cửa cấp xã ra trụ sở Bưu điện để đẩy mạnh dịch vụ BCCI phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục phát triển triển khai phần mềm QLVBĐH, vận hành phần mềm phục vụ chỉ đạo điều hành của Huyện ủy, UBND huyện, chữ ký số từ cấp huyện đến xã nhằm rút ngắn quy trình xử lý, hạn chế tối đa sử dụng văn bản giấy hướng tới phòng họp không giấy tờ.

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ, công chức các cấp để triển khai hiệu quả các ứng dụng, phần mềm, CSDL do huyện, tỉnh đầu tư: Hệ thống thông tin HĐND; Phần mềm chỉ tiêu KTXH và Hệ thống báo cáo; Phần mềm Khiếu nại tố cáo; Phần mềm Kiến nghị cử tri; Phần mềm Quản lý hồ sơ và Đánh giá CBCC; CSDL dân tộc, ...

3. Phát triển kinh tế số, xã hội số

- Triển khai ứng dụng App công dân (Công dân số Lào Cai) trên phạm vi toàn huyện.

- Tuyên truyền cán bộ, công chức người dân trên địa bàn huyện sử dụng app công dân tỉnh Lào Cai (Công dân số Lào Cai).

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, các tập đoàn lớn về CNTT triển khai tổ chức các khóa đào tạo các đơn vị, cơ sở, hộ cá thể sản xuất nông nghiệp về nông nghiệp thông minh, tạo ra sự thay đổi căn bản về ứng dụng CNTT trong quản lý, sản xuất và điều hành, kinh doanh, thương mại điện tử trong chuỗi giá trị nông sản đặc hữu của địa phương; Triển khai xây dựng CSDL, truy xuất nguồn gốc đối với một số sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, mang lại giá trị kinh tế cao của huyện, đánh giá để nhân rộng theo sản phẩm, khu vực sản xuất.

- Phối hợp với các sàn thương mại điện tử đưa các sản phẩm OCOP lên các sàn giao dịch thương mại điện tử.

- Tổ chức hội thảo, hội nghị về đẩy mạnh ứng dụng CNTT, kỹ năng truyền thông, kinh doanh số, thương mại điện tử để kích cầu các sản phẩm du lịch đặc trưng, kích thích sự tăng trưởng và phát triển du lịch bền vững của địa phương.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật sản xuất chương trình và đa dạng hóa hình thức truyền tải chương trình phát thanh, truyền hình. Hệ thống phát thanh, truyền hình đổi mới theo hướng tập trung sản xuất chương trình, đổi mới nội dung và nâng cao năng lực sản xuất chương trình, tăng thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất mới của kênh phát thanh, kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và địa phương.

- Tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở kiến thức về chuyển đổi số, các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ số do các cơ quan nhà nước cung cấp và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

4. Chuyển đổi số một số lĩnh vực trọng điểm

- Triển khai hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ tổng hợp, phân tích, báo cáo, hỗ trợ chỉ đạo điều hành của chính quyền từ các ứng dụng (văn phòng điện tử Mường Khương), kết nối các hệ thống Cơ sở dữ liệu của tỉnh như: Hệ thống văn bản chỉ đạo điều hành; Igate; Chỉ tiêu KTXH và Hệ thống báo cáo; Phần mềm Khiếu nại tố cáo; Phần mềm Kiến nghị cử tri; Phần mềm Quản lý hồ sơ và Đánh giá CBCC ...

- Thí điểm mô hình đô thị thông minh gắn với chuyển đổi số toàn diện tại thị trấn Mường Khương.

4.1. Chuyển đổi số trong các cơ quan khối Đảng

- Rà soát, nâng cấp hệ thống đường truyền, hệ thống mạng, hệ thống giao ban trực tuyến. Xây dựng và triển khai phương án đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin.

- Xây dựng hệ thống giám sát, điều hành, đảm bảo an toàn các hệ thống thông tin, CSDL.

- Rà soát, ban hành danh mục và triển khai xây dựng các CSDL, số hóa dữ liệu lưu trữ.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, tuyên truyền cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý, công chức về kỹ năng số, chuyển đổi số. Chuẩn hóa kỹ năng CNTT đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, đào tạo chuyên sâu đội ngũ nhân lực CNTT quản lý vận hành, đảm bảo an toàn thông tin khối Đảng.

4.2. Chuyển đổi số trong Giáo dục và Đào tạo

- Đưa nội dung giáo dục kỹ năng số, chuyển đổi số vào 100% trường phổ thông; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về CNTT, an toàn thông tin liên quan đến chuyển đổi số cho 100% cán bộ, giáo viên, học sinh.

- Xây dựng CSDL về học liệu số và triển khai dạy học trực tuyến qua hệ thống bài giảng điện tử.

- 100% cơ sở giáo dục được trang bị hạ tầng CNTT đáp ứng việc chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục.

- Xây dựng các ứng dụng chuyên ngành theo hướng tập trung dựa trên nền tảng công nghệ số; tạo lập và kết nối liên thông dữ liệu từ mầm non đến THPT và CSDL ngành giáo dục với Trung tâm dữ liệu của tỉnh.

4.3. Chuyển đổi số trong Y tế

- 100% các khoa khám chữa bệnh trong bệnh viện có kết nối băng thông rộng cấp quang.

- Triển khai hệ thống thu thập dữ liệu y tế và sử dụng hiệu quả các công cụ phân tích dữ liệu khám chữa bệnh, quản lý thuốc, nhân lực, trang thiết bị,...

- 100% người dân đều có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân.

- Mỗi trạm y tế xã đều triển khai hoạt động quản lý trạm y tế xã trên môi trường số.

4.4. Chuyển đổi số trong Văn hóa và du lịch

- Số hóa các CSDL văn hóa, du lịch: hạ tầng du lịch, sản phẩm du lịch, thư viện, các khu, điểm du lịch, khu danh thắng, tâm linh; các loại hình văn hóa phi vật thể...

- Xây dựng nền tảng quản lý du lịch, triển khai đồng bộ hệ sinh thái du lịch thông minh các điểm đến du lịch, sản phẩm dịch vụ du lịch...

- Xây dựng các hệ thống quản lý lưu trú, giám sát an ninh, an toàn thông minh.

4.5. Chuyển đổi số trong Nông nghiệp và phòng chống thiên tai

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm.

- Mỗi nông dân là một thương nhân, mỗi hợp tác xã là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số với mục tiêu mỗi người nông dân được định hướng, đào tạo ứng

dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo (giá, thời vụ, ...) nông sản, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp.

- Phát triển các hệ thống, thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai, phòng chống cháy rừng (trang bị các cảm biến, trạm quan trắc... ở cơ sở, khu vực nguy cơ cao để thu thập thông tin) và ứng dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo để đưa ra cảnh báo, giúp cơ quan chức năng, người dân có biện pháp ứng phó kịp thời.

4.6. Chuyển đổi số trong Tài nguyên và môi trường

- Xây dựng các hệ thống thông tin, CSDL như: CSDL đất đai; quan trắc tài nguyên và môi trường; đa dạng sinh học; nguồn thải; biến đổi khí hậu; khí tượng thủy văn; địa chất - khoáng sản;...

- Tích hợp, kết nối hệ thống dữ liệu tài nguyên và môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh. Xây dựng, phát triển nền tảng dữ liệu mở tài nguyên và môi trường.

4.7. Chuyển đổi số trong Giao thông vận tải xây dựng, an ninh trật tự

- Lắp đặt hệ thống camera giám sát trật tự, an toàn giao thông trên các khu vực trọng điểm, đường quốc lộ trên địa bàn huyện.

- Triển khai ứng dụng đảm bảo an ninh trật tự tại đơn vị cấp xã trên nền tảng ứng dụng công dân của tỉnh để tương tác giữa người dân và đơn vị công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, ứng dụng công nghệ số để phục vụ tổ chức, cá nhân được tốt hơn.

5. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số, an toàn thông tin trong hệ thống chính trị

- Phối hợp với các cơ quan liên quan để đào tạo, đào tạo lại đối với đội ngũ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức các cấp để Chuẩn hóa kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản, thành thạo kỹ năng số, kỹ năng sử dụng, khai thác các ứng dụng, hệ thống thông tin của tỉnh, huyện. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ thôn, bản, tổ dân phố về chuyển đổi số, kỹ năng số phục vụ CCHC, chỉ đạo điều hành sâu, rộng.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn chuyên sâu về kỹ năng số, quản trị hạ tầng, hỗ trợ ứng dụng, đảm bảo an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ chuyên trách, phụ trách của các cơ quan, đơn vị. Đảm bảo đủ về lượng và chất đối với đội ngũ chuyên trách, phụ trách CNTT các cấp phục vụ cho quá trình chuyển đổi số của huyện.

6. Huy động nguồn lực kinh phí cho phát triển CNTT-TT

- Bố trí ngân sách huyện đảm bảo nguồn lực chi cho phát triển, ứng dụng CNTT-TT theo các mục tiêu, nhiệm vụ.

- Chủ động phối hợp với các Sở, ban, ngành chủ trì thực hiện các Đề án, chương trình, dự án sử dụng ngân sách TW, ngân sách tỉnh (Chương trình MTQG XDNTM và GNBV; Chương trình Cải cách hành chính; Đề án Phát triển CNTT-

TT tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025; Đề án Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Lào Cai...) để triển khai các nội dung lồng ghép trong Đề án, tận dụng tối đa và sử dụng hiệu quả nguồn lực của Trung ương, của tỉnh.

- Trên cơ sở hợp tác của tỉnh Lào Cai với các tập đoàn, công ty lớn về viễn thông, CNTT (VNPT, Viettel, Mobifone), huyện chủ động ký kết hợp tác với Đại diện, chi nhánh trên địa bàn tỉnh Lào Cai để thúc đẩy phát triển CNTT, hạ tầng số, hạ tầng viễn thông trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa, hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn huyện, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, du lịch nâng cao kỹ năng số, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, sản xuất và thương mại điện tử, kết nối vạn vật (IoT).

7. Công tác thông tin, truyền thông

- Theo dõi, nắm bắt kịp thời thông tin trên báo chí, trên mạng xã hội, xử lý kịp thời các vấn đề nhạy cảm, vụ việc nổi cộm, bức xúc trên địa bàn huyện; chủ động cung cấp thông tin trung thực, khách quan; đấu tranh chống các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, các thông tin có tác động tiêu cực đến sự phát triển của xã hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở, phù hợp với từng đối tượng và điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng.

- Tăng cường hợp tác truyền thông với các cơ quan thông tấn báo chí nhằm giới thiệu chủ trương, đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, quảng bá hình ảnh Mường Khương trong lĩnh vực chuyển đổi số với bạn bè trong nước và quốc tế.

8. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cụ thể năm

(Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo)

IV. KINH PHÍ

Tổng kinh phí triển khai: 14.470.00.000 (Mười bốn tỉ bốn trăm bảy mươi triệu đồng) Trong đó:

- + Ngân sách tỉnh: 120 triệu đồng;
- + Ngân sách huyện: 8.550 triệu đồng;
- + Vốn doanh nghiệp: 5.400 triệu đồng;
- + Xã hội hóa: 400 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số: Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số điều phối chung việc triển khai Chương trình, Kế hoạch Chuyển đổi số của huyện Mường Khương.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan và UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch.

- Đề xuất, báo cáo UBND huyện xem xét phê duyệt điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch để đảm bảo phù hợp với tiến độ và tình hình thực tế thực hiện. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện.

- Tham mưu cho UBND huyện ban hành cơ chế, chính sách, phát triển CNTT, chính quyền điện tử, đô thị thông minh, chuyển đổi số trên địa bàn huyện. Các văn bản chỉ đạo, điều hành, quy định, quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin sau khi đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với sở Thông tin và Truyền thông triển khai các ứng dụng, phần mềm dùng chung đến các cấp, các ngành trên địa bàn huyện. Đánh giá hiệu quả các phần mềm, ứng dụng CNTT đã triển khai.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân về chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng CNTT, đảm bảo an toàn thông tin; tuyên truyền, quảng bá về việc cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thực hiện kế hoạch, kịp thời báo cáo UBND huyện trong quá trình triển khai thực hiện; phối hợp với phòng Nội vụ tổ chức đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước; xây dựng tiêu chí đánh giá thi đua về ứng dụng CNTT hàng năm.

3. Văn phòng Huyện ủy

Chủ trì, phối hợp với phòng Văn hóa và Thông tin triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển và ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong các cơ quan khối Đảng.

4. Văn phòng HĐND&UBND huyện

- Tiếp tục triển khai, vận hành Hệ thống một cửa điện tử VNPT-Igate đến các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn đảm bảo theo quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Rà soát các thủ tục hành chính trọng tâm, được sử dụng chủ yếu trong huyện đưa lên dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4. Tuyên truyền, phổ biến lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trong giải quyết TTHC đến người dân, doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử. Phối hợp với phòng Văn hóa và Thông tin tổng hợp tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách, văn bản quản lý phát triển CNTT-TT, Chính quyền điện tử, đô thị thông minh, chuyển đổi số trên địa bàn huyện Mường Khương, báo cáo UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện.

- Tiếp tục vận hành, đảm bảo hệ thống Hội nghị trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp huyện, từ cấp huyện đến cấp xã được duy trì ổn định và xuyên suốt. Đôn

độc, đánh giá việc thực hiện quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống Hội nghị trực tuyến cấp huyện, cấp xã.

- Xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống thông tin của huyện.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị cân đối nguồn kinh phí cho việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đảm bảo kế hoạch xây dựng Chính phủ điện tử.

- Tham mưu UBND huyện huy động các nguồn lực, các nguồn vốn đầu tư cho phát triển và ứng dụng CNTT của huyện. Phân bổ ngân sách cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn trong việc đầu tư, mua sắm các trang thiết bị tin học, phần mềm hệ thống, phần mềm diệt virus đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- Chủ trì kiểm tra việc thanh quyết toán ngân sách chi cho phát triển và ứng dụng CNTT của huyện.

6. Phòng Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin, các đơn vị, các cơ sở đào tạo triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực CNTT cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp nhà nước thuộc huyện.

- Chủ trì xây dựng quy định về thi đua khen thưởng: Đưa kết quả triển khai ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước là một trong những tiêu chí xét thi đua hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Chương trình cải cách hành chính.

7. Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn

- Tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về phát triển công nghệ thông tin đến cán bộ công chức, viên chức và các tổ chức, công dân ý nghĩa tầm quan trọng của phát triển Công nghệ thông tin.

- Chủ động nghiên cứu, rà soát, đề xuất các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án, đề án để phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này chủ động xây dựng Kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện tại đơn vị mình; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (qua Phòng Văn hóa và Thông tin) trước ngày 15/6 và 10/12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định, hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

- Phối hợp với Ban biên tập Cổng thông tin điện tử huyện thường xuyên cung cấp thông tin lên Trang thông tin điện tử huyện.

8. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông

Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và kiến thức về công nghệ thông tin trong xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tích cực, chủ động cập nhật tin, bài, phóng sự lên Cổng thông tin điện tử; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh huyện Mường Khương trên các phương tiện thông tin đại chúng và Trang thông tin điện tử của huyện.

9. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn huyện

- Là nòng cốt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng phát triển CNTT, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trong Kế hoạch này.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện phát triển CNTT trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Phối hợp với Phòng, Ban, cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thí điểm truyền thông, các giải pháp, công nghệ mới, mô hình mới cho các đơn vị trên địa bàn huyện.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số và triển khai thực hiện Nghị Quyết số 11-NQ/HU ngày 15/01/2021 của Huyện uỷ Mường Khương năm 2022, yêu cầu các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- TT Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện;
- Lưu: VT, PVH Liêm.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Trường Minh